TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1002/2020/QĐST- HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 680/2020/TLST - HNGĐ ngày 11/6/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1989
- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số 60/404 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trần Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2013, quyển số 01/2012 ngày 28/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02/6/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/8/2020, ông Trần Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/4/2014; hàng tháng bà có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 08/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi; các bên tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông T và bà D thật sự tự nguyện ly hôn; đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/5/2013 hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/4/2014; hàng tháng bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 08/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị D phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí lệ phí đã nộp theo biên lai theo biên lai số AA/2019/0026321 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên